

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Bà Lê Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLHNGĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ T.O, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 1047, ấp H, xã C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Lê Q.A, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Số 1047, ấp H, xã C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Võ T.O trình bày: Bà và ông Lê Q.A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H.T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Lê T.H, sinh ngày 01-9-1993; Lê T.T, sinh ngày 04-3-1998 và Lê T.TH, sinh ngày 04-3-1998, hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông Q.A không chịu khó đi làm tạo ra thu nhập để phụ giúp kinh tế gia đình, hơn nữa còn quen biết với người phụ nữ khác không quan tâm chăm sóc vợ con, bà khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông Q.A vẫn không thay đổi còn đập phá đồ dùng trong nhà nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5-2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai có gặp nhau nhưng không bàn bạc việc hàn gắn gia đình, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, mạnh ai nấy sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Q.A.

Về con chung: Hiện tại các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bản công việc nên bà T.O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Lê Q.A trình bày: Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Q.A vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Q.A không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ T.O; Con chung, có 03 người con chung tên Lê T.H, sinh ngày 01-9-1993; Lê T.T, sinh ngày 04-3-1998 và Lê T.TH, sinh ngày 04-3-1998, hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; Tài sản chung và nợ chung, bà T.O khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Q.A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và bà Võ T.O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ T.O và ông Lê Q.A kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thì thấy rằng: Ông bà chung sống vào năm 1990, trong thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do

ông Q.A không chịu khó đi làm tạo ra thu nhập để phụ giúp kinh tế gia đình, hơn nữa còn quen biết với người phụ nữ khác không quan tâm chăm sóc cho vợ con, bà T.O khuyên nhủ nhiều lần mà ông Q.A vẫn không thay đổi nên ông bà sống ly thân từ tháng 5-2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai có gặp nhau nhưng không bàn bạc việc hàn gắn gia đình, hơn nữa ông Q.A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không đến chứng tỏ ông Q.A không có thiện chí đoàn tụ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa bà T.O và ông Q.A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.O là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T.O và ông Q.A có 03 người con chung tên Lê T.H, sinh ngày 01-9-1993; Lê T.T, sinh ngày 04-3-1998 và Lê T.TH, sinh ngày 04-3-1998. Xét thấy, hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T.O khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này ông Q.A có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà T.O phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ T.O với ông Lê Q.A. Bà T.O được ly hôn với ông Q.A.

2. Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ T.O khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ T.O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên

lai thu số 0022852 ngày 01-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận bà T.O đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND phường T, tx. H.T (Số 94/1990);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui